TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **63/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2026.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng.
2. Ông Đoàn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2025/TLST - HN ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa:

1.Nguyên đơn:

Chị Trần Thị P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 2, ấp P, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

2.Bị đơn:

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 1, ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị P có nội dung trình bày như sau:

Năm 2001, chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu sau đó tiến đến hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/8/2002. Sau khi cưới, chị P với anh T chung sống hạnh phúc một thời gian, đến năm 2018 đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Quá trình sống chung, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 18/10/2002, hiện đã thành niên.

Nguyên nhân phát sinh mẫu thuẫn do vợ chồng hay thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm chăm lo cho gia đình.

Về hôn nhân: Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị P yêu cầu được ly hôn với anh T, sau khi ly hôn chị P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu xem xét việc nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung:

Áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39 và 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P, cụ thể:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, cấp dưỡng vợ chồng không xem xét.
- Về con chung: Không xem xét.
- Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí: Do chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2026 là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Chị Trần Thị P vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tự nguyện có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã V, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/8/2002, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn sau khi kết hôn và sống

chung một thời gian thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mẫu thuẫn do vợ chồng hay thường xuyên cãi vã, anh T không quan tâm chăm lo cho gia đình và từ năm 2018, hai người đã sống ly thân cho đến nay.

Anh T đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng anh không đến Tòa án theo thông báo, cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn là do tự nguyện vì vậy cần ghi nhận. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Chị P và anh T có 01 người chung tên chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 18/10/2002, hiện đã thành niên có khả năng lao động và nuôi sống được bản thân vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị P phải có nghĩa vụ chịu án phí không có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị P đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Ghi nhận chị Trần Thị P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn T có 01 người chung tên chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 18/10/2002, hiện đã thành niên có khả năng lao động và nuôi sống được bản thân.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị P phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013039 ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6.Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng GĐ, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã V, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hơn **Nguyễn Thanh Hùng** **Đào Chí Cường**

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
-Các đương sự; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
-TAND tỉnh Bến Tre;
-VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;
-Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;
-UBND xã Vĩnh Bình, huyện C, tỉnh Bến Tre;
-Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Đào Chí Cường